

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

1 THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1.1 Thông tin chung

Trong đó: Vốn điều lệ VND 42.119.850.000

1.2 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

2 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 (“Quyết định 15”), và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ ngoại trừ các khoản mục được thể chấp bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài tệ sản tiền khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như trình bày trong đoạn dưới đây

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại cuối năm tài chính trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được phản ánh lũy kế trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc giai đoạn xây dựng cơ bản, toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh (thu nhập hoặc chi phí tài chính) trong vòng 05 năm

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác. Các khoản thấu chi ngân hàng phải hoàn trả khi có yêu cầu và là một bộ phận không thể tách rời trong việc quản lý tiền tệ của Công ty được ghi nhận là một thành tố của tiền và các khoản tương đương tiền cho mục đích trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Loại chi phí	Thời gian phân bổ
Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo)	
Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn	
Chi phí thuê đất trả trước	

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả lập năm nay so với dự phòng phải trả lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi hoặc lỗ từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

Thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hay lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ những khoản được ghi nhận là nguồn vốn.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm tài chính trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải đưa ra các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến giá trị tài sản và công nợ, đến việc trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính và doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính báo cáo. Kết quả thực tế có thể có sự khác biệt so với các ước tính này.

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Số dư bằng không

Các tài khoản hoặc khoản mục có số dư bằng không theo Hệ thống Kế toán Việt Nam sẽ không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền mặt	150.044.794	287.738.315
Tiền gửi ngân hàng	25.472.893.126	26.179.880.280
	25.622.937.920	26.467.618.595

Bao gồm tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 62.091,8 USD.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc	31/12/2024 Giá trị hợp lý	Dự phòng
a1. Tổng giá trị cổ phiếu			
Công ty A - Mã CK			
Các cổ phiếu khác			
a2. Tổng giá trị trái phiếu			
Công ty A - Mã CK			
Các trái phiếu khác			
a3. Các khoản đầu tư khác	600.000.000		
Công ty A - Mã CK			

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Chứng chỉ quỹ				
Quyền mua cổ phần Công ty cổ phần				
Các khoản đầu tư khác				
Cộng		600.000.000		-
5	PHẢI THU KHÁCH HÀNG			
Phải thu từ các công ty khác		31/12/2023	31/12/2022	
		Giá trị	Dự Phòng	Giá trị
				Dự Phòng
Ngắn hạn		36.241.928.181	-	38.320.506.255
Dài hạn		-	-	-
Cộng		-	-	-
Tổng cộng		36.241.928.181	-	38.320.506.255
6	TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN			
Trả trước cho các công ty liên quan		31/12/2023	31/12/2022	
		Giá trị	Dự Phòng	Giá trị
				Dự Phòng
Ngắn hạn		31.453.433.144	-	29.934.610.853
Dài hạn		-	-	-
Cộng		31.453.433.144	-	29.934.610.853
Trả trước cho các công ty khác		31/12/2023	31/12/2022	
		Giá trị	Dự Phòng	Giá trị
				Dự Phòng
7	PHẢI THU NỘI BỘ			
		31/12/2023	31/12/2022	
		Giá trị	Dự Phòng	Giá trị
				Dự Phòng
Ngắn hạn		-	-	-
Dài hạn		-	-	-
Cộng		-	-	-
8	PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG			
		31/12/2023	31/12/2022	
		-	-	
Số dư cuối năm		-	-	
9	PHẢI THU VỀ CHO VAY			
Cho vay các công ty khác		31/12/2023	31/12/2022	
		Giá trị	Dự Phòng	Giá trị
				Dự Phòng
Ngắn hạn		-	-	-
Dài hạn		-	-	-
Tổng cộng		-	-	-
10	PHẢI THU KHÁC			
Phải thu từ các công ty khác		31/12/2023	31/12/2022	

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
Ngắn hạn	42.422.636.276	-	42.143.016.978	-
Phải thu khác	40.362.803.433		40.957.899.625	
Phải thu người lao động	-		-	
Phải thu tạm ứng	195.608.443		347.292.953	
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.864.224.400		837.824.400	
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	42.422.636.276	-	42.143.016.978	-
Tổng cộng	42.422.636.276	-	42.143.016.978	-

11 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cộng	-	-	-	-

12 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		-	
Nguyên vật liệu				
CCDC trong kho				
CP sản xuất dở dang	34.985.846.689		34.985.846.689	
Thành phẩm tồn kho				
Hàng hoá	304.202.821		304.202.821	
Hàng gửi đi bán	-		-	
Hàng hoá kho bảo thuế	-		-	
Hàng hoá bất động sản				
	35.290.049.510	-	35.290.049.510	-

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	31/12/2022
Thuế nộp thừa Ngân sách Nhà nước		
Thuế khác	-	-

14 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	31/12/2022
Thuế GTGT được khấu trừ	71.855.610	-
	71.855.610	-

15 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Số dư đầu năm	29.705.558.229	4.537.687.950	14.323.140.713	2.618.486.516	781.732.576	51.966.605.984
- Tăng trong năm			1.502.877.725	-	-	1.502.877.725
- Thanh lý, nhượng bán	-		7.344.524.799		-	7.344.524.799
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	29.705.558.229	4.537.687.950	8.481.493.639	2.618.486.516	-	46.124.958.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			-			(39.018.164.124)
- Khấu hao trong năm			-			5.441.728.582
- Thanh lý, nhượng bán						(585.683.039)
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	-		-			(34.162.118.581)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm						
Số dư cuối năm						11.962.840.329

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Chi phí trả trước ngắn hạn		31/12/2023
Số dư đầu năm		1.756.238.193
Chuyển từ tài khoản chênh lệch tỷ giá		
Tăng trong năm		135.638.181
Thanh lý		-
Xóa sổ		
Phân bổ trong kỳ		(149.324.524)
Số dư cuối năm		1.742.551.850
b. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2023
Số dư đầu năm		993.420.491
Chuyển từ tài khoản chênh lệch tỷ giá		-
Tăng trong năm		-
Thanh lý		-
Xóa sổ		-
Phân bổ trong kỳ		(472.060.620)
Số dư cuối năm		521.359.871

23 TÀI SẢN KHÁC

a. Tài sản ngắn hạn	31/12/2023	31/12/2022
Các khoản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	10.533.974.561	10.533.974.561
(tranh, ảnh, vật phẩm có giá trị...)	-	-
Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn)	-	-
	10.533.974.561	10.533.974.561
b. Tài sản dài hạn	31/12/2023	31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

24 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ - THUỜNG MẠI

Phải trả cho các công ty khác

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	11.574.757.565		14.627.102.289	
Tổng cộng	11.574.757.565	-	14.627.102.289	-

25 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Trả trước từ các công ty khác

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	45.458.706.362	-	44.699.977.357	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	45.458.706.362	-	44.699.977.357	-
Tổng cộng	45.458.706.362	-	44.699.977.357	-

26 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	559.761.561	4.760.103.838	3.984.983.730	1.334.881.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp		527.022		527.022
Thuế vãng lai				-
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	46.888.634	490.599.964	452.959.827	84.528.771
Các loại thuế khác	1.108.157.408	2.713.310.208	1.551.420.360	2.270.047.256
Các khoản phải nộp khác				
	1.714.807.603	7.473.941.068	5.989.363.917	3.689.984.718

27 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền lương người lao động	2.345.182.001	1.986.019.289
	2.345.182.001	1.986.019.289

28 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	31/12/2022
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.742.551.850	1.756.238.193

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Dài hạn	31/12/2023		31/12/2022	
Chi phí trả trước dài hạn	521.359.871		993.420.491	
29 PHẢI TRẢ NỘI BỘ	31/12/2023		31/12/2022	
	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.208.982.854	-	1.208.982.854	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
30 PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG	31/12/2023		31/12/2022	
Số dư cuối năm	-		-	
31 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN	31/12/2023		31/12/2022	
Ngắn hạn	-		-	
Doanh thu nhận trước	-		-	
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-		-	
Doanh thu chưa thực hiện khác	42.870.679.638		42.634.679.638	
Dài hạn	-		-	
Doanh thu nhận trước	-		-	
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-		-	
Doanh thu chưa thực hiện khác	-		-	
Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-		-	
Tổng Cộng	42.870.679.638		42.634.679.638	
32 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC	31/12/2023		31/12/2022	
Ngắn hạn	82.290.379.069		91.693.349.299	
Kinh phí công đoàn	14.190.112		6.852.236	
Bảo hiểm xã hội	47.022.281		47.022.281	
Bảo hiểm y tế	1.216.096		1.216.096	
Bảo hiểm thất nghiệp	21.779.353		21.779.353	
Doanh thu chưa thực hiện	42.870.679.638		42.634.679.638	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.335.491.589		48.981.799.695	
Phải trả, phải nộp khác - BDH cũ	5.057.136.295		5.057.136.295	
Phải trả, phải nộp khác - Mượn tiền chi Quyền	4.481.104.000		1.589.138.000	
Phải trả, phải nộp khác - Thu tiền bán CP			8.920.320.000	
Phải trả, phải nộp khác - CN SGT	29.797.251.294		33.415.205.400	
Dài hạn	14.094.125.000		14.132.125.000	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.094.125.000		14.132.125.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-		-	
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-		-	
Tổng Cộng	96.384.504.069		105.825.474.299	

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

33 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay Ngắn hạn		31/12/2023	31/12/2022
Vay ngắn hạn		15.741.561.432	14.505.358.602
		15.741.561.432	14.505.358.602
b. Vay Dài hạn		31/12/2023	31/12/2022
Vay dài hạn		-	-
		-	-

34 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	31/12/2022
Vốn góp đầu năm	30.545.000.000	30.545.000.000
Vốn góp cuối năm	42.119.850.000	30.545.000.000

35 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CSH VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LN

a) Lợi nhuận chưa phân phối		Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm		25.403.835.701	19.812.513.339
- Tăng trong năm		5.928.033.318	5.591.322.363
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay		-	-
+ Điều chỉnh tăng khác		-	-
- Số dư cuối năm		31.331.869.019	25.403.835.701
b) Các quỹ của công ty			
Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	4.700.254.226	-	4.700.254.226
Quỹ dự phòng tài chính			
Quỹ khác	-	-	-
Cộng	4.700.254.226	-	4.700.254.226

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được hình thành từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà

Nguồn kinh phí và quỹ khác		Năm nay	Năm trước
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.494.757.180	1.494.757.180
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
Quỹ bình ổn giá		-	-
Nguồn kinh phí			
Nguồn kinh phí đầu năm		-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm		-	-
Chi sự nghiệp		-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
Tổng cộng		1.494.757.180	1.494.757.180

36 CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

	31/12/2023	31/12/2022
Cộng		
37 CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ		
	31/12/2023	31/12/2022
Cộng	-	-
38 DOANH THU		
Doanh thu thuần bao gồm:		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	84.966.242.317	43.233.577.193
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.966.242.317	43.233.577.193
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)	-	-
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
	84.966.242.317	43.233.577.193
39 GIÁ VỐN BÁN HÀNG		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	74.998.257.666	38.100.718.019
	74.998.257.666	38.100.718.019
40 DOANH THU TÀI CHÍNH		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.611.769	4.936.811
	4.611.769	4.936.811
41 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	683.383.411	83.497.467
	683.383.411	83.497.467
42 CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	5.250.924.021	3.118.715.824
	5.250.924.021	3.118.715.824
43 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm nay	Năm trước
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	11.224.168.696	7.303.833.221

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

	11.224.168.696	7.303.833.221
44 THU NHẬP KHÁC		
	Năm nay	Năm trước
Khác	3.825.987.103	271.543
	3.825.987.103	271.543
45 CHI PHÍ KHÁC		
	Năm nay	Năm trước
	2.350.792.940	206.775.770
46 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm nay	Năm trước
Lãi trước thuế	(5.928.033.318)	(5.470.315.318)
Thuế suất thuế thu nhập hiện hành		
Chi phí không được khấu trừ thuế		(121.007.044)
Cộng	(5.928.033.318)	(5.591.322.362)
Lãi trước thuế của thu nhập từ hoạt động kinh doanh (1)	(5.928.033.318)	(5.591.322.362)
Thuế suất (2)		
Thuế thu nhập hiện hành từ hoạt động kinh doanh [(1)x(2)]		
Tổng thuế phải nộp		

Kế Toán Trưởng

Giám Đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024